

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:04/2018/DS-ST
Ngày: 25-5-2018
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng;

2. Bà Hoàng Vạn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng.

Trụ sở: đường Tr, phường L – quận H – Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê K - Trưởng phòng giao dịch B - Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng – Chi Nhánh Đ (Văn bản ủy quyền số 617/UQ-ĐLA ngày 25/10/2017), có mặt.

2.Bị đơn: Ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D, vắng mặt

Địa chỉ: đường Ng, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25-10-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung: Ngày 09-11-2016 Phòng giao dịch B- Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng – Chi nhánh Đ ký hợp đồng cho vay từng lần số 16/292/PĐT/HĐTD cho vợ chồng ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D vay số tiền 400.000.000 đồng để bù đắp mua rẫy sản xuất kinh doanh cho gia đình ông D, bà D, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất trong hạn 9,2%/năm, áp dụng lãi suất cố định tại thời điểm giải ngân khoản vay cho toàn bộ khoản vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp bảo đảm số tiền vay được ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19-3-2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19-3-2015, diện tích đất 144m², đất ở tại đô thị 100m², đất trồng cây hàng năm khác 44m², thửa đất số 864, tờ bản đồ số 06 tại phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 25-10-2017 ông D, bà D còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng số tiền 427.095.556 đồng; trong đó nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 26.277.778 đồng và tiền lãi quá hạn là 817.778 đồng. Nay ngân hàng Thương mại cổ phần Ng khởi kiện yêu cầu ông D, bà D trả số nợ tính đến ngày 25-10-2017 là 427.095.556 đồng; trong đó nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 26.277.778 đồng và tiền lãi quá hạn là 817.778 đồng, kể từ ngày 26-10-2017 tiếp tục tính lãi suất của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp ông D, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19-3-2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19-3-2015 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ trong hợp đồng cho vay từng lần số 16/292/PĐT/HĐTD ngày 09-11-2016 cho ngân hàng Thương mại cổ phần Ng. Trường hợp ông D, bà D thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Phòng giao dịch B - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ng– Chi nhánh Đ trả lại cho ông D, bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác theo giấy chứng nhận số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19/3/2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19/3/2015.

Bị đơn ông Hoàng Văn D trình bày có nội dung: Ngày 09-11-2016 vợ chồng tôi (vợ tôi là Thái Thị Kim D) ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần

Ng chi nhánh Đ vay số tiền 400.000.000 đồng để bù đắp mua rẫy sản xuất cho gia đình, thời hạn vay là 11 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 9,2%/năm, lãi suất quá hạn là 150% so với lãi trong hạn. Tài sản thế chấp cho khoản vay là nhà ở thuộc sở hữu của ông, bà tại Ng, phường A, thị xã B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19-3-2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19-3-2015 và các biên bản làm việc kèm theo giữa ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D với ngân hàng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi là 27.095.556 đồng vợ chồng tôi xin trả vào ngày 13-4-2018. Trường hợp vợ chồng tôi không trả được thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Thái Thị Kim D đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng, buộc vợ chồng ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D phải trả cho ngân hàng Thương mại cổ phần Ng số tiền 427.095.556 đồng; trong đó nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 26.277.778 đồng và tiền lãi quá hạn là 817.778 đồng, kể từ ngày 26-10-2017 tiếp tục tính lãi suất của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp ông D, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19-3-2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19-3-2015 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ trong hợp đồng cho vay từng lần số 16/292/PĐT/HĐTD ngày 09-11-2016 cho ngân hàng Thương mại cổ phần Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 13-11-2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 15-11-2017 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 17-11-2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông D, bà D là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Xét thấy Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng và ông Hoàng Văn D xác định: Ngày 09-11-2016 Phòng giao dịch B - Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng— Chi nhánh Đ ký hợp đồng cho vay từng lần số 16/292/PĐT/HĐTD cho vợ chồng ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D vay số tiền 400.000.000 đồng để bù đắp mua rẫy sản xuất kinh doanh cho gia đình ông D, bà D, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất trong hạn 9,2%/năm, áp dụng lãi suất cố định tại thời điểm giải ngân khoản vay cho toàn bộ khoản vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 25-10-2017 ông D, bà D còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Ng số tiền 427.095.556 đồng; trong đó nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 26.277.778 đồng và tiền lãi quá hạn là 817.778 đồng. Do đó, ngân hàng thương mại cổ phần Ng khởi kiện yêu cầu ông D, bà D trả số nợ tính đến ngày 25-10-2017 là 427.095.556 đồng; trong đó nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 26.277.778 đồng và tiền lãi quá hạn là 817.778 đồng, kể từ ngày 26/10/2017 tiếp tục tính lãi suất của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này là có căn cứ phù hợp với Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về tài sản thế chấp bảo đảm số tiền vay là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D thuộc thửa đất số 864, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất tại phường A, thị xã B diện tích 144m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 100m², đất trồng cây hàng năm khác: 44m² được ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19-3-2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19-3-2015 và các biên bản làm việc giữa ngân hàng với ông D, bà D về việc thế chấp tài sản là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Trường hợp ông D, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D thuộc thửa đất số 864, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất tại phường A, thị xã B, diện tích 144m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 100m², đất trồng cây hàng năm khác: 44m² được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Ng theo hợp đồng cho vay từng lần số 16/292/PĐT/HĐTD ngày 09-11-2016 giữa ngân hàng Thương mại cổ phần Ng với ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D. Trường hợp ông D, bà D thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Phòng giao dịch B- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ng – Chi nhánh Đ trả lại cho ông D, bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác theo giấy chứng nhận số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19-3-2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19-3-2015 là phù hợp với Điều 336, Điều 338, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.541.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0001043 ngày 17-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị đơn ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D phải chịu 21.083.822 đồng án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: $[427.095.556 \text{ đồng} = (20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 27.095.556 \text{ đồng}) = 21.083.822 \text{ đồng}]$ là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 336, Điều 338, Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng.

- Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng tổng số tiền là 427.095.556 đồng (trong đó nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 26.277.778 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 25-10-2017 là 817.778 đồng), kể từ ngày 26-10-2017 ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D tiếp tục trả tiền lãi suất của số tiền gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông D, bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D thuộc thửa đất số 864, tờ bản đồ số 06, địa chỉ thửa đất tại phường A, thị xã B, diện tích 144m², mục đích sử dụng đất ở tại đô thị 100m², đất trồng cây hàng năm khác 44m² được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Ng theo hợp đồng cho vay từng lần số

16/292/PĐT/HĐTD ngày 09-11-2016 giữa ngân hàng Thương mại cổ phần Ng với ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D.

Trường hợp ông D, bà D thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Phòng giao dịch B - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ng- Chi nhánh Đ trả lại cho ông D, bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BE 395979 do Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04-11-2011 cho ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D đã thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15/67/PĐT/HĐTC ngày 19-3-2015 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 15/67/PĐT/HĐTC.1 ngày 19-3-2015.

Về án phí:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.541.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0001043 ngày 17-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Ông Hoàng Văn D, bà Thái Thị Kim D phải chịu 21.083.822 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Anh

